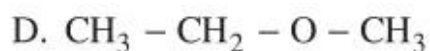
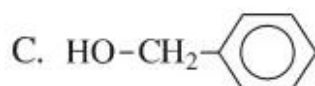
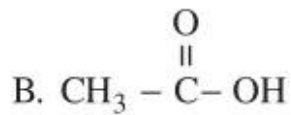
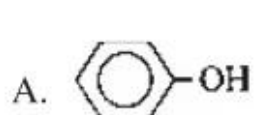


Bài 39.

ANCOL

8.7. Trong các chất dưới đây, chất nào là ancol ?



8.8. Chất $\text{CH}_3 - \overset{\text{CH}_3}{\underset{\text{CH}_3}{\text{C}}} - \text{OH}$ có tên là gì ?

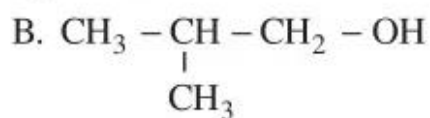
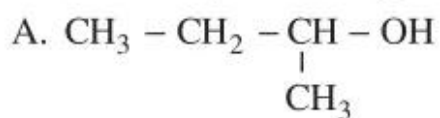
A. 1,1-Đimetyletanol

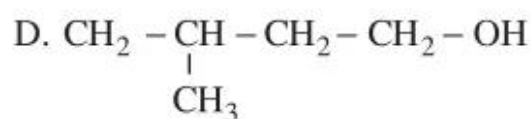
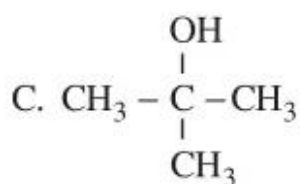
B. 1,1-Đimetyletan-1-ol

C. Isobutan-2-ol

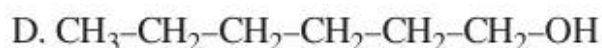
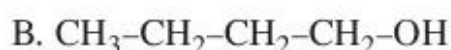
D. 2-Metylpropan-2-ol

8.9. Ancol isobutylic có công thức cấu tạo như thế nào ?





8.10. Trong số các ancol sau đây :

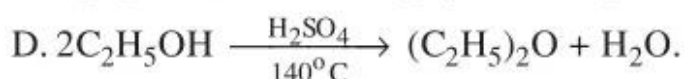
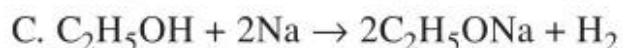
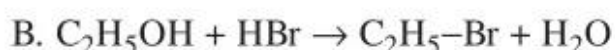
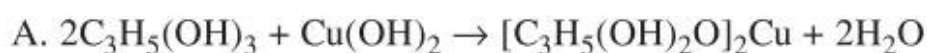


1. Chất nào có nhiệt độ sôi cao nhất ?

2. Chất nào có khối lượng riêng cao nhất ?

3. Chất nào dễ tan nhất trong nước ?

8.11. Trong số các phản ứng hoá học dưới đây, phản ứng nào là *phản ứng oxi hoá - khử* ?



8.12. Viết phương trình phản ứng thực hiện các biến hoá dưới đây, ghi rõ điều kiện của từng phản ứng.



8.13. Từ ancol propylic và các chất vô cơ, có thể điều chế propen, propyl bromua, dipropyl ete. Viết phương trình phản ứng thực hiện các biến hoá đó.

8.14. Chất A là một ancol no mạch hở. Để đốt cháy hoàn toàn 0,35 mol A phải dùng vừa hết 31,36 lít O_2 (lấy ở đktc). Hãy xác định công thức phân tử, công thức cấu tạo và tên của A.

8.15. Chất X là một ancol không no đơn chức, có 1 liên kết kép. Để đốt cháy hoàn toàn 1,45 g X cần dùng vừa hết 2,24 lít O_2 (lấy ở đktc).

Xác định công thức phân tử, viết công thức cấu tạo và tên chất X.

8.16. Hỗn hợp M chứa hai ancol no, đơn chức, mạch hở kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng.

Để đốt cháy hoàn toàn 35,6 g hỗn hợp M cần dùng vừa hết 63,84 lít O_2 (lấy ở đktc).

Hãy xác định công thức phân tử và phần trăm về khối lượng của từng chất trong hỗn hợp M.

8.17. Hỗn hợp A chứa 2 ancol no, đơn chức, mạch hở. Để đốt cháy hoàn toàn hỗn hợp A cần dùng vừa hết 3,36 lít O_2 (lấy ở đktc). Trong sản phẩm cháy, khối lượng CO_2 hơn khối lượng H_2O là 1,88 g.

1. Xác định khối lượng hỗn hợp A.

2. Xác định công thức phân tử và phần trăm khối lượng của từng chất trong A nếu biết thêm rằng hai ancol đó khác nhau 2 nguyên tử cacbon.

8.18. Hỗn hợp A chứa glixerol và một ancol đơn chức. Cho 20,3g A tác dụng với natri (lấy dư) thu được 5,04 lít H_2 (đktc). Mặt khác 8,12 A hoà tan vừa hết 1,96 g $Cu(OH)_2$.

Xác định công thức phân tử, công thức cấu tạo, tên và phần trăm về khối lượng của ancol đơn chức trong hỗn hợp A.

8.19. Đun một hỗn hợp 2 ancol no, đơn chức, mạch hở với H_2SO_4 ở $140^\circ C$, thu được 72 g hỗn hợp 3 ete với số mol bằng nhau. Khối lượng nước tách ra trong quá trình tạo thành các ete đó là 21,6 g.

Xác định công thức cấu tạo 2 ancol và khối lượng mỗi ancol dự phản ứng.

8.20*. Hỗn hợp khí A chứa 2 anken kế tiếp nhau trong dãy đồng đẳng. Tỉ khối của A đối với khí nitơ là 1,35.

1. Xác định công thức phân tử 2 anken.

2. Nếu hidrat hoá một lượng hỗn hợp A (giả sử hiệu suất là 100%) thì được hỗn hợp ancol B, trong đó tỉ lệ về khối lượng giữa ancol bậc một và ancol bậc hai là 43 : 50.

Hãy cho biết tên và phần trăm về khối lượng của từng ancol trong hỗn hợp B.